

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2020

“Vv: Tranh chấp HĐ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: bà Ngô Thị Như Hoa và ông Phạm Quốc Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với:

1) Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết **T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Ngô Trọng **K** – Phó giám đốc Chi nhánh tỉnh Hòa Bình.

2) Bị đơn: Bà Hà Thị **H**, sinh năm 1972. Nơi cư trú: tổ 7, phường Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị **Th**. Nơi cư trú: tổ 7, phường Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ông **K**, bà **H** có mặt tại phiên tòa. Bà **Th** có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng CSXH) trình bày:

Trên cơ sở nhu cầu vay vốn phục vụ kinh tế gia đình, Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Hòa Bình có cho bà Hà Thị **H** vay vốn theo chương trình cho vay hộ sản

xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, mục đích chăn nuôi bò sinh sản với số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 07/10/2016, lãi suất là 0,9%/ tháng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên, bà **H** đã nhận đủ số tiền. Đến thời điểm trả nợ do hộ vay khó khăn nên Ngân hàng đã cho gia hạn nợ 30.000.000 đồng đến ngày 07/10/2018.

Tuy nhiên, đến thời điểm trả nợ bà **H** đã không trả đúng hạn, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền vay còn lại sang nợ quá hạn từ ngày 07/10/2018. Số tiền lãi bà **H** đã trả là 12.757.000 đồng, tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (10/9/2020) là 12.235.271 đồng.

Việc bà **H** trình bày đã trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng thông qua bà Nguyễn Thị **Th**, tổ trưởng tổ vay vốn, là không có căn cứ.

Tổng số tiền bà **H** còn nợ của Ngân hàng CSXH tạm tính đến ngày 10/9/2020 là: 42.235.271 đồng. Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng; nợ lãi là 12.235.271 đồng. Nay ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên buộc bà **H** phải trả cho Ngân hàng đủ cả gốc và lãi như nêu trên.

*2. Lời khai trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Hà Thị **H** trình bày:*

Việc bà đứng ra vay của Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Hòa Bình khoản vay như đại diện Ngân hàng nêu là đúng. Bà cũng đã nhận đủ số tiền trên. Quá trình vay, năm 2016 bà đã trả đủ cả gốc và lãi cho Ngân hàng thông qua bà Nguyễn Thị **Th** – tổ trưởng tổ vay vốn, người được Ngân hàng giao nhiệm vụ thu gốc và lãi hàng tháng. Do đó, bà **H** cho rằng ngân hàng phải đòi nợ từ bà Nguyễn Thị **Th** và bà không có trách nhiệm phải trả nợ như yêu cầu của Ngân hàng. Quá trình vay ngân hàng không giải thích cho bà về việc không trả gốc cho bà **Th** và lãi suất ngân hàng là quá cao.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị **Th** trình bày:*

Bà **Th** thừa nhận, trong thời gian làm tổ trưởng tổ vay vốn, bà có nhận của bà **H** số tiền 30.000.000 đồng để trả vào số tiền gốc mà bà **H** đã vay của Ngân hàng CSXH. Tuy nhiên, bà **Th** không chuyển số tiền nêu trên cho Ngân hàng mà “xâm tiêu” cá nhân hết. Việc làm này là vượt quá phạm vi ủy nhiệm của Ngân hàng và bà đã có cam kết trả số tiền trên cho bà **H**. Nay, do điều kiện sức khỏe, bà **Th** không tham gia tố tụng được và đề nghị giải quyết số tiền 30.000.000đ bà đã nhận của bà Hà Thị **H** bằng vụ kiện dân sự độc lập.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Hà Thị **H** phải thanh toán trả Ngân hàng CSXH tổng số tiền nợ

gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 10/9/2020. Bà **H** tiếp tục phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong khoản vay với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được giao kết và thực hiện tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và cũng là nơi cư trú của bị đơn. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hòa Bình.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành. Việc đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà **Th** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **Th**.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu về quan hệ tín dụng:

Thực hiện chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn năm 2013, Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Hòa Bình đã cho bà Hà Thị **H** vay theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, mục đích chăn nuôi bò sinh sản với số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất là 0,9%/ tháng, thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 07/10/2016. Bà **H** đã trả là 12.757.000 đồng tiền lãi của khoản vay này.

Thỏa thuận cho vay và lãi suất giữa Ngân hàng CSXH và bà **H** được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được các bên thừa nhận. Ngân hàng đã giải ngân cho bà **H** nhận đầy đủ số tiền như đã nêu trên.

Quá trình vay và thực hiện hợp đồng, bị đơn cho rằng bà đều giao dịch trực tiếp với bà Nguyễn Thị **Th** – tổ trưởng tổ vay vốn, đại diện cho Ngân hàng CSXH và đã trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ, cả gốc và lãi. HĐXX xét thấy: theo quy định về cho vay của Ngân hàng CSXH, thì bên vay phải nộp tiền nợ gốc và lãi tại điểm giao dịch của Ngân hàng; Tổ trưởng tổ vay vốn chỉ được phép thu lãi tiền vay và thu tiền tiết kiệm (nếu có). Khi giải ngân, Ngân hàng cũng đã giải thích cho các hộ vay vốn về quyền, nghĩa vụ của bên vay. Đồng thời, hàng năm, Ngân hàng đều tổ chức đối chiếu dư nợ để các hộ xem lại công nợ và ký xác nhận dư nợ. Việc bà **H** trả tiền gốc cho Ngân hàng thông qua bà **Th** là không đúng cam kết với Ngân hàng. Mặc dù tại Tòa án, bà **Th** thừa nhận có nhận của bà **H** số tiền 30.000.000 đồng để trả nợ gốc nhưng đây là quan hệ dân sự độc lập giữa bà **Th** và bà **H**, không làm phát sinh, thay đổi nghĩa vụ trả nợ của bà **H** với Ngân hàng; bà **H** có quyền khởi kiện bà **Th** bằng vụ kiện dân sự khác.

Về tiền lãi, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bị chuyển sang nợ quá hạn, phù hợp với quy định của BLDS. Bà **H** cho rằng đã trả toàn bộ lãi, tuy nhiên không cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ gì về việc đã trả lãi cho Ngân hàng. Căn cứ danh mục thông tin vay vốn do Ngân hàng cung cấp (BL 57), Tòa án xác nhận, tạm tính đến ngày 10/9/2020, bà **H** đã trả cho Ngân hàng 12.235.271 đồng tiền lãi.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, do đó, buộc bà Hà Thị **H** phải trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/9/2020 là: 42.235.271 đồng. Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng; nợ lãi là 12.235.271 đồng.

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Kể từ ngày 11/9/2020, bà **H** còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; điểm d, khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Buộc bà Hà Thị **H** phải thanh toán trả Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/9/2020 là: 42.235.271 đồng (Bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); nợ lãi là 12.235.271 đồng (Mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày 11/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bà Hà Thị **H** còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị **H** phải nộp 2.111.763 (Hai triệu một trăm mười một nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS TPHB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Trường Sơn

